

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân

- 1) Bà Nguyễn Thị Nga
- 2) Ông Nguyễn Quang Hiến

- **Thư ký ghi biên bản phiên Tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đạt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G - Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H đã xét xử trực tuyến công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 221/2023/HSST, ngày 06 tháng 11 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NMT**, sinh năm 1989 tại H; Tên gọi khác: VVT; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Tổ 11 phường TT, quận LB, thành phố H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông VVT, sinh năm 1971 và bà NTKO, sinh năm 1968. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000428 lập ngày 05/9/2023 tại Công an huyện G và lý lịch bị can thể hiện bị cáo có 01 tiền án.

- Ngày 03/6/2020, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố H xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 142/HSST). Ngày 28/9/2022, chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Ngày 09/02/2004, Công an phường Ngọc Lâm, LB, H xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Ngày 26/8/2004, Công an phường TT, LB, H xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

- Ngày 25/10/2004, bị đưa vào trường giáo dưỡng 12 tháng theo Quyết định số 1573 của UBND quận LB;

- Ngày 04/10/2010, Công an phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, H xử phạt hành chính về hành tàng trữ, cất dấu trong người dao, bình xịt hơi cay nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng;

- Ngày 15/8/2012, Công an phường TT, LB xử phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng;

- Ngày 27/6/2006, Tòa án nhân dân quận LB xử phạt 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số 472 ngày 18/10/2006, TAND thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản; (T phạm tội lúc 16 tuổi, 04 tháng) cộng 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của bản án số 133/HSST ngày 27/6/2006 của TAND quận LB. Tổng hợp hình phạt buộc T phải chấp hành hình phạt là 03 năm 6 tháng tù);

- Ngày 28/11/2013, Tòa án nhân dân quận LB xử phạt 40 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản (bản án số 332/HSST). Ngày 17/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/8/2023, đến ngày 03/9/2023 áp dụng biện pháp tạm giam. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H. (Bị cáo có mặt tại điểm cầu trực tuyến tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố H).

- **Người bị hại:** Chị BTLH, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 212 đường CB, xã CB, huyện G, thành phố H. (Vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/8/2023, chị BTLH, sinh năm 1977, trú tại: Số 212 đường CB, xã CB, huyện G, thành phố H trình báo Công an xã CB thuộc Công an huyện G về việc: Vào khoảng 20 giờ ngày 18/8/2023, chị H bị kẻ gian trộm cắp 01 chiếc cặp bên trong có 01 máy Laptop nhãn hiệu Dell, màu đen treo ở xe máy dựng bên ngoài cửa hàng Winmart, số 254 đường CB, xã CB, G, chị H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 USB bên trong có ghi lại hình ảnh đối tượng đã trộm cắp tài sản.

Qua điều tra truy xét, Cơ quan Công an đã xác định được đối tượng NMT đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên. Ngày 25/8/2023, T đã đến Cơ quan Công an đầu thú.

Vật chứng thu giữ của T:

- Số tiền 300.000 đồng.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen, không gương chiếu hậu, không đeo BKS, có số khung: RLHJF5830LY530392; số máy: JF86E0434095 đã qua sử dụng;

- 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu trắng; 01 chiếc quần ngắn màu

xám;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno3 màu đen, bên trong lắp 01 sim số 0777640282 và 0369530626; có số IMEI1: 860202041326274; số IMEI2: 860202041326266 đã qua sử dụng;

- 01 áo khoác kiểu dáng áo chống nắng dài tay màu đen, có mũ liền áo;

- 01 máy quần cước màu đen – vàng đồng, trên máy có in chữ “AX 4000FB”, “SHIMANO”, được quần nhiều sợi cước màu nâu tím, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen – xanh dương, trên máy có in chữ “GW.GB Super Wonderful 6000”, “GUANGWEI”, được quần nhiều sợi cước màu hồng, đã qua sử dụng.

- 01 cần câu màu đỏ, có in chữ “DAIWA” “Tournament” “30-405...”

Tại cơ quan điều tra, NMT khai nhận: Vào khoảng 20 giờ ngày 18/8/2023, chị BTLH dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH Mode màu bạc mang BKS: 29N1 – 875.30 ở bên ngoài cửa hàng Winmart, số 254 đường CB, xã CB, G, H, trên xe để 01 chiếc cặp làm bằng vải màu nâu, kích thước khoảng 30x40cm, bên trong đựng 01 máy Laptop nhãn hiệu Dell, màu đen ở vị trí để chân của xe máy, sau đó chị H vào siêu thị để mua đồ. Lúc đó NMT điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen, không BKS đi qua cửa hàng Winmart, số 254 đường CB, thấy chiếc cặp trên xe của chị H, không có ai trông giữ, T đã nảy sinh ý định lấy trộm chiếc cặp. T đi vòng lại, xuống xe đi đến chỗ xe máy của chị H trộm cắp chiếc cặp bên trong có đựng máy Laptop nhãn hiệu Dell của chị H. Sau khi trộm cắp được chiếc cặp và chiếc máy tính Laptop thì T đi xe máy về phòng trọ tại thôn Hội, CB, G, H. Đến khoảng 2 giờ ngày hôm sau 19/8/2023, T mang chiếc cặp cùng chiếc máy tính Laptop trộm cắp được đến khu vực Công viên Thống nhất nội thành H, bán cho một người đàn ông không rõ nhân thân với giá 750.000 đồng. Số tiền này T đã chi tiêu 450.000 đồng và còn lại 300.000 đồng. Lời khai nhận của NMT phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 138/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G, kết luận: chiếc cặp đựng Laptop làm bằng vải, màu nâu có giá trị 150.000 đồng và chiếc Laptop màu đen, nhãn hiệu Dell, RAM 4GB, ổ cứng 500GB có giá trị 4.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.650.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 221/CT-VKSGL ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo NMT phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Bị cáo NMT khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm nhân dân huyện G sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng, trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự; Xử phạt NMT 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu trắng; 01 chiếc quần ngắn màu xám; 01 áo khoác kiểu dáng áo chống nắng dài tay màu đen, có mũ liền áo là trang phục của T khi thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

* Trả lại cho bị cáo các tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno3 màu đen, bên trong lắp 02 sim số: 0777640382 và 0369530626; có số Imei 1: 860202041326274; số Imei 2: 860202041326266, máy cũ, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen-vàng đồng, trên máy có in chữ “AX 4000FB”, “SHIMANO”, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen-xanh dương, trên máy có in chữ “GW.GB Super Wonderful 6000”, “GUANGWEI”, đã qua sử dụng.

* Trả lại chị BTLH số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo do bị cáo thu lời bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp.

Về dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự và các Điều 468, 584, 585, 586, 588 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu bồi thường của người bị hại: Quá trình điều tra chị BTLH yêu cầu NMT phải bồi thường cho chị số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H thay đổi và chỉ yêu cầu NMT bồi thường theo kết quả định giá đối với số tài sản chị bị chiếm đoạt, đây là yêu cầu chính đáng của người bị hại, vì vậy cần chấp nhận. Buộc bị cáo NMT bồi thường cho chị BTLH số tiền 4.650.000 đồng. Sau khi xử lý vật chứng trả cho chị H 300.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường nốt số tiền 4.350.000 đồng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo NMT sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, bị cáo thừa nhận hành vi Trộm cắp tài sản của mình là sai, vi phạm pháp luật, việc Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra -Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người bị hại là chị BTLH đã được tổng đạt hợp lệ, chị H, vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại không ảnh hưởng đến kết quả của việc xét xử. Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thu thập được, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 20 giờ ngày 18/8/2023 tại số 254 đường CB, xã CB, huyện G, thành phố H, bị cáo NMT đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc cặp đựng Laptop làm bằng vải, màu nâu có giá trị 150.000 đồng và 01 chiếc máy Laptop màu đen, nhãn

hiệu Dell, Ram 4GB, ổ cứng 500GB có giá trị 4.500.000 đồng của chị BTLH. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.650.000 đồng.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa pH.

Lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 chiếc cặp đựng Laptop làm bằng vải, màu nâu có giá trị 150.000 đồng và 01 chiếc máy Laptop màu đen, nhãn hiệu Dell, Ram 4GB, ổ cứng 500GB có giá trị 4.500.000 đồng của chị BTLH. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 4.650.000 đồng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H đã truy tố và kết luận bị cáo NMT phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 142/HSST ngày 03/06/2020 Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Ngày 28/9/2022 NMT chấp hành xong hình phạt tù. Như vậy, bản án này chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của NMT thuộc trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo thể hiện: Ngoài 01 tiền án chưa được xóa án tích bị tính là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, nhân thân bị cáo NMT còn có 05 tiền sự đã hết thời hiệu và 03 tiền án đã được xóa án tích. Điều này thể hiện bị cáo có nhân thân rất xấu, liên tiếp thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật. Đã được pháp luật cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, hiện nay bị cáo đang bị CQĐT – Công an quận Ba Đình ra Quyết định khởi tố bị can đối với NMT cùng đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS và CQĐT – Công an quận LB ra Quyết định khởi tố bị can đối với NMT về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 BLHS. Thể hiện sự coi thường pháp luật của NMT. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác

dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời cũng răn đe những đối tượng có ý định phạm tội.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu trắng; 01 chiếc quần ngố màu xám; 01 áo khoác kiểu dáng áo chống nắng dài tay màu đen, có mũ liền áo là trang phục của T khi thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

* Trả lại cho bị cáo các tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno3 màu đen, bên trong lắp 02 sim số: 0777640382 và 0369530626; có số Imei 1: 860202041326274; số Imei 2: 860202041326266, máy cũ, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen-vàng đồng, trên máy có in chữ “AX 4000FB”, “SHIMANO”, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen-xanh dương, trên máy có in chữ “GW.GB Super Wonderful 6000”, “GUANGWEI”, đã qua sử dụng.

* Trả lại chị BTLH với số tiền 300.000 đồng thu giữ của NMT. Đây là số tiền T thu lời bất chính từ việc bán tài sản trộm cắp được.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị BTLH yêu cầu bị cáo NMT bồi thường cho chị số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và thay đổi yêu cầu về bồi thường dân sự. Nay chị H yêu cầu bị cáo NMT bồi thường cho chị H tổng số tiền 4.650.000 đồng theo kết luận định giá tài sản. Sau khi xử lý vật chứng trả lại chị H số tiền thu hồi được là 300.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường nốt cho chị H số tiền 4.350.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người có yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án.

[8] Các vấn đề khác:

Ngày 02/4/2023 NMT thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại phường Quán Thánh, Ba Đình, H. Ngày 24/5/2023, CQĐT – Công an quận Ba Đình đã ra quyết định khởi tố bị can đối với NMT cùng đồng phạm về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Ngày 28/7/2023 NMT thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản tại phường Thạch Bàn, LB, H. Ngày 09/8/2023, CQĐT – Công an quận LB đã ra quyết định khởi tố bị can đối với NMT về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cả hai hành vi này của bị cáo đều chưa

xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen, không BKS, có số khung: RLHJF5830LY530392; số máy: JF86E-0434095 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo NMT, T khai là xe T mua của một người nam giới không rõ nhân thân ở khu vực đường Trần Khát Chân – H vào khoảng tháng 5/2023, khi mua xe không có giấy tờ. Theo kết luận giám định ngày 12/10/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố H, kết luận: số khung và số máy của xe là nguyên thủy. Qua tra cứu, xe có biển số 29C1-84549 đứng tên đăng ký xe là anh ĐĐQ, sinh năm 1993, trú tại: P206 nhà E2 khu tập thể ngõ 128C ĐL, ĐT, HBT, H. Ngày 04/5/2023, anh Q bị mất chiếc xe máy Honda Vision trên tại khu vực cầu thang nhà E2 khu tập thể ngõ 128C ĐL, ĐT, HBT, H. Anh Q đã gửi đơn trình báo về việc mất trộm xe đến Cơ quan điều tra Công an quận HBT để giải quyết. Do vậy, ngày 20/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện G đã có Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số 13/QĐ-CQĐT và công văn số 3918/CV-CQĐT chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu, vật chứng liên quan đến chiếc xe máy Honda Vision là tang vật của vụ án chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an quận Hai Bà Trưng để giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc cần câu màu đỏ, có in chữ “DAIWA” “Tournament” “30-405...” thu giữ của T là tang vật liên quan đến vụ án Trộm cắp tài sản ngày 02/4/2023 tại QT, BD, H. Ngày 06/10/2023, CQĐT – Công an huyện G đã bàn giao tang vật cho CQĐT-Công an quận BD để điều tra xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật,

[10] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo NMT phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 30, 106, 135, 136, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các Điều 468, 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật thi hành án.

Xử phạt bị cáo NMT 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/8/2023.

2. Về dân sự:

Buộc bị cáo NMT phải bồi thường cho BTLH số tiền 4.350.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng:

* Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 đôi dép màu trắng; 01 chiếc quần ngắn màu xám; 01 áo khoác kiểu dáng áo chống nắng dài tay màu đen, có mũ liền áo.

* Trả lại cho bị cáo:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno3 màu đen, bên trong lắp 02 sim số: 0777640382 và 0369530626; có số Imei 1: 860202041326274; số Imei 2: 860202041326266, máy cũ, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen-vàng đồng, trên máy có in chữ “AX 4000FB”, “SHIMANO”, đã qua sử dụng;

- 01 máy quần cước màu đen-xanh dương, trên máy có in chữ “GW.GB Super Wonderful 6000”, “GUANGWEI”, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố H, có tình trạng, đặc điểm như Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/11/2023 giữa Công an huyện G và Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố H).

* Trả lại chi BTLH với số tiền 300.000 đồng thu giữ của NMT, hiện đang lưu tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện G theo Biên lai thu tiền số 0003759 ngày 15/11/2023.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt người bị hại.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú (thay Thông báo KQXX)
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP H;
- Phòng quản lý HS nghiệp vụ Công An TP H;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện G
- Sở Tư Pháp thành phố H
- Lưu VP,THAHS,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Ngọc